

Số: /BC-STP

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Sở Tư pháp nhận được Tờ trình số 469/TTr-STC ngày 21/8/2026 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo văn bản, Sở Tư pháp báo cáo như sau:

1. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1.1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Căn cứ Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Về cơ bản, nội dung, mức chi quy định tại Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, phù hợp với khả năng nguồn kinh phí. Việc quản lý, sử dụng cơ bản được đảm bảo thực hiện theo quy định; các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm; nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí; nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện. Tuy nhiên, qua 9 năm thực hiện, nhất là trong bối cảnh tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp, một số nội dung của Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh đã bộc lộ những khó khăn, vướng mắc, bất cập, cụ thể:

Về mức chi: Mức chi bồi dưỡng được quy định từ năm 2017 đến nay chưa được điều chỉnh tương ứng với sự biến động của mặt bằng giá cả, chi phí sinh hoạt và điều kiện kinh tế - xã hội. Qua thời gian thực hiện, mức chi hiện hành không còn phù hợp với điều kiện thực tế và chưa tương xứng với yêu cầu, trách nhiệm của người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

Về khối lượng, tính chất công việc: Từ ngày 01/7/2025, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cấp xã tiếp nhận và trực tiếp thực hiện nhiều nhiệm vụ trước đây thuộc cấp huyện, làm gia tăng đáng kể khối lượng, phạm vi

và tính chất công việc trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Đặc biệt, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, quy mô địa bàn và phạm vi quản lý của cấp xã có sự thay đổi lớn; số lượng và tính chất vụ việc phát sinh ngày càng đa dạng, trong đó có nhiều vụ việc phức tạp liên quan đến đất đai, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, kiến nghị, phản ánh của công dân. Do đó, trách nhiệm và yêu cầu đối với người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn tại cấp xã ngày càng cao, trong khi mức chi bồi dưỡng hiện hành chưa được điều chỉnh tương ứng.

Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: *“Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 4 Thông tư này. **Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này.**”*

Ngày 11/6/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 65/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 320/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/7/2026. Tại Điều 1 Thông tư số 65/2026/TT-BTC ngày 11/6/2026 quy định: *“Sửa đổi, bổ sung **Điều 4 Thông tư số 320/2016/TT-BTC** của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh”,* theo đó, đã sửa đổi tăng các mức chi bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025:

“1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác”.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (để thay thế Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017) là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

1.2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị quyết phù hợp với

thẩm quyền, nội dung của dự thảo.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết định với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo Nghị quyết định phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của hồ sơ dự thảo Nghị quyết

3.1. Về thẩm quyền ban hành

Việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Thông tư số 65/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 320/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15).

3.2. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Sở Tư pháp cơ bản thống nhất với nội dung tại dự thảo Nghị quyết quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Đề nghị rà soát một số nội dung sau:

3.2.1 Tại đoạn cuối Điều 2 quy định:

*“Trường hợp các đối tượng trên khi tham gia tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân từ 50% **thời gian tiêu chuẩn của ngày làm việc** trở lên thì được hưởng toàn bộ mức chi bồi dưỡng, nếu dưới 50% **thời gian tiêu chuẩn của ngày làm việc** thì được hưởng 50% mức chi bồi dưỡng theo quy định tại Nghị quyết này”.*

Tuy nhiên, tại khoản 1 và khoản 2 Điều này quy định:

*“1. Chế độ bồi dưỡng được **tính theo ngày làm việc** đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.*

*2. Viên chức làm nhiệm vụ tiếp công dân tại đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác, chế độ bồi dưỡng được **tính theo ngày làm việc thực tế**, của cán bộ, công chức, làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh”.*

Do đó, đề nghị xem xét, quy định rõ hơn nội dung tại đoạn cuối khoản 2 cho phù hợp, thống nhất với nội dung tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2.

3.2.2. Điều 3

- Khoản 1 Điều 3 quy định: *“1. Đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này, khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân **được bồi dưỡng theo mức:**”*

Đề nghị xem xét, bỏ đoạn: “**khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân**” vì đã được quy định rõ tại khoản 1 Điều 1.

Đồng thời, xem xét điều chỉnh lại như sau: “**1. Mức bồi dưỡng đối với đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này:**”

Tương tự, sửa khoản 2 Điều 3 như sau:

“**2. Mức bồi dưỡng đối với đối tượng quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này: 80.000 đồng/ngày/người**”.

- Tại điểm a khoản 1, Điều 3 đề nghị xem xét sửa như sau cho phù hợp với quy định tại Điều 1 Thông tư số 65/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Thông tư số 320/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính¹:

“a) **Cấp tỉnh:**

- Các đối tượng thuộc cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh:

Trường hợp chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề **theo quy định hiện hành** được bồi dưỡng 160.000 đồng/ngày/người; trường hợp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề **theo quy định hiện hành** thì được bồi dưỡng 120.000 đồng/ngày/người.

- Các đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

Trường hợp chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề **theo quy định hiện hành** được bồi dưỡng 120.000 đồng/ngày/người; trường hợp

¹ “Điều 4. Mức chi

1. Các đối tượng được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tiếp công dân (sau đây gọi là Nghị định số 154/2026/NĐ-CP) mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề theo quy định hiện hành, khi thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được bồi dưỡng 200.000 đồng/ngày/người; trường hợp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề theo quy định hiện hành thì được bồi dưỡng 150.000 đồng/ngày/người.

Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao hoặc phân công thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân Trung ương mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề theo quy định hiện hành được bồi dưỡng 250.000 đồng/ngày/người; trường hợp đang hưởng chế độ phụ cấp theo nghề theo quy định hiện hành được bồi dưỡng 200.000 đồng/ngày/người.

2. Các đối tượng quy định tại **khoản 3 và khoản 4 Điều 38 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP** được bồi dưỡng 100.000 đồng/ngày/người.”

*đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề **theo quy định hiện hành** thì được bồi dưỡng 100.000 đồng/ngày/người”.*

3.2.3. Điều 6

Xem xét bổ sung khoản 3 nội dung “*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*”.

3.3. Dự thảo Tờ trình

- Trên cơ sở rà soát, sửa các nội dung của dự thảo Nghị quyết đề nghị rà soát, sửa các nội dung dự thảo Tờ trình cho phù hợp và thống nhất.

- Tại mục **1. Cơ sở chính trị, pháp lý** đề nghị bổ sung thêm quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2025:

“1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác”.

3.4. Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết

Đề nghị tại nội dung thuyết minh trích dẫn cụ thể các quy định tại các Thông tư, Nghị định, để làm rõ các căn cứ, cơ sở quy định các nội dung của dự thảo Nghị quyết, bảo đảm dễ tiếp cận.

Đối với các mức chi tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị có giải trình cụ thể tại Biểu thuyết minh về cơ sở, căn cứ quy định mức chi, tỷ lệ tăng các mức chi (theo Biểu so sánh mức chi kèm Tờ trình), nhất là có giải trình cụ thể đối với một số mức chi giữ nguyên theo Nghị quyết số 51/2027/NQ-HĐND (Ví dụ: Các đối tượng thuộc cơ quan trực thuộc cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *Trường hợp chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề: **giữ nguyên mức 120.000 đồng/người/ngày***).

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Nội dung dự thảo Nghị quyết không quy định thủ tục hành chính.

5. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

5.1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Dự thảo Nghị quyết đã được soạn thảo bảo đảm theo đúng Mẫu số 17. *Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (quy định trực tiếp)* (Phụ lục III) ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

5.2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện các bước soạn thảo, lấy ý kiến góp ý, gửi thẩm định theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến, hoàn thiện dự thảo trước khi trình UBND tỉnh.

6. Về điều kiện trình UBND tỉnh

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hoàn thiện các nội dung của dự thảo theo các nội dung đề nghị tại Báo cáo thẩm định, sau khi dự thảo tiếp thu, hoàn thiện dự thảo đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết để trình UBND tỉnh; đồng thời thực hiện bảo đảm theo quy định tại khoản 1², khoản 2³ Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NVI (STH).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vi Thị Thùy

² “1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.”

³ “2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 50 của Nghị định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo; b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.”